TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2021/DSST
Ngày: 08/12/2021
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Nhi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Bích Liên
2. Bà Bùi Thu Hảo

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Gò Công;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 217/2020/TLST-DS, ngày 24/11/2020, về việc tranh chấp: "*Hợp đồng góp hụi*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/QĐXXST- DS, ngày 05 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/QĐXXST- DS, ngày 19 tháng 11 năm 2021; giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê B T (Đ), sinh năm 1958;

Địa chỉ: Ấp TH, xã LT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị A, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp TX, xã LH, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

(Bà T có mặt, bà A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa - Nguyên đơn, bà Lê B T trình bày:*

Tôi có tham gia góp 12 dây hụi do bà A làm đầu thảo, cụ thể như sau:

- *Dây thứ 1*: Hụi mở ngày 05/02/2018 (al), dây hụi có 40 phần, 500.000 đồng/phần. Tôi tham gia góp 05 phần. Trong đó đã hốt 01 phần và còn nợ lại bà A

05 kỳ hụi chết là 2.500.000 đồng. Riêng 04 phần chưa hốt hụi, tôi đã đóng được 31 kỳ với số tiền thực đóng là 31.500.000 đồng (7.875.000đ x 4). Nếu tính có lời là 62.000.000 đồng. Do dây hụi này tôi đóng đến gần mãng hụi nên yêu cầu bà A trả theo hụi có lời là 62.000.000 đồng.

- *Dây thứ 2: Hụi mở ngày 15/12/2018* (al), dây hụi có 28 phần, 500.000 đồng/phần. Tôi tham gia góp 05 phần. Trong đó đã hốt 01 phần và còn nợ lại bà A 03 kỳ hụi chết là 1.500.000 đồng. Riêng 04 phần chưa hốt hụi, tôi đã đóng được 21 kỳ với số tiền thực đóng là 25.050.000 đồng (5.010.000đ x 5). Nếu tính có lời là 42.000.000 đồng. Do dây hụi này tôi đóng đến gần mãng hụi nên yêu cầu bà A trả theo hụi có lãi là 42.000.000 đồng.

- *Dây thứ 3*: Hụi mở ngày 15/12/2018 (al), dây hụi có 25 phần, 1.000.000 đồng/phần. Tôi tham gia góp 04 phần, đã góp được 21 kỳ với số tiền tôi thực đóng cho bà A là 44.276.000 đồng (11,079.000đ x 4). Do dây hụi này tôi đóng đến gần mãng hụi nên yêu cầu bà A trả theo hụi có lãi là 84.000.000 đồng.

- *Dây thứ 4*: Hụi mở ngày 05/02/2019 (al), dây hụi có 25 phần, 1.000.000 đồng/phần. Tôi tham gia góp 02 phần, đã góp được 17 kỳ với số tiền tôi thực đóng cho bà A là 22.320.000 đồng. Tôi yêu cầu bà A trả số tiền thực đóng là 22.320.000 đồng.

- *Dây thứ 5:* Hụi mở ngày 10/11/2019 (al), dây hụi có 20 phần, 1.000.000 đồng/phần. Tôi tham gia góp 03 phần, đã góp được 10 kỳ. Số tiền tôi thực đóng cho bà A là 16.683.000 đồng. Nay yêu cầu bà A trả 16.683.000 đồng.

- *Dây thứ 6:* Hụi mở ngày 05/4/2020 (al), dây hụi có 20 phần, 1.000.000 đồng/phần. Tôi tham gia góp 03 phần với số tiền thực đóng cho bà A là 6.705.000 đồng. Nay tôi yêu cầu bà A trả 6.705.000đ đồng.

- *Dây thứ 7:* Hụi mở ngày 20/02/2020 (al), dây hụi có 20 phần, 1.000.000 đồng/phần. Tôi tham gia góp 02 phần, đã góp được 06 kỳ với số tiền thực đóng cho bà A là 6.770.000 đồng. Nay tôi yêu cầu bà A trả 6.770.000 đồng.

- *Dây thứ 8:* Hụi mở ngày 20/6/2019 (al), dây hụi có 26 phần, 2.000.000 đồng/phần. Tôi tham gia góp 01 phần, đã góp được 14 kỳ với số tiền thực đóng cho bà A là 16.305.000 đồng. Nay tôi yêu cầu bà A trả 16.305.000 đồng.

- *Dây thứ 9:* Hụi mở ngày 25/3/2019 (al), dây hụi có 26 phần, 1.000.000 đồng/phần. Tôi tham gia góp 03 phần, đã góp được 17 kỳ với số tiền thực đóng cho bà A là 26.880.000 đồng. Nay tôi yêu cầu bà A trả 26.880.000 đồng.

- *Dây thứ 10:* Hụi mở ngày 30/01/2020 (al), dây hụi có 20 phần, 1.000.000 đồng/phần. Tôi tham gia góp 02 phần, đã góp được 07 kỳ với số tiền tôi thực đóng cho bà A là 8.160.000 đồng. Nay tôi yêu cầu bà A trả 8.160.000 đồng.

- *Dây thứ 11:* Hụi mở ngày 30/9/2018 (al), dây hụi có 26 phần, 1.000.000 đồng/phần. Tôi tham gia góp 05 phần. Trong đó có 02 phần hụi sống tôi đóng được 23 kỳ, với số tiền thực đóng là 26.090.000 đồng. Tính theo hụi có lời là 46.000.000 đồng. Riêng 03 phần hụi tôi đã hốt hụi, tôi còn nợ lại bà A 01 kỳ hụi chết là

3.000.000 đồng (1.000.000đ x 3). Do 02 kỳ hụi sống đã sắp mãng nên yêu cầu trả tính theo có lời là 46.000.000 đồng.

- *Dây thứ 12:* Hụi mở ngày 20/5/2020 (al), dây hụi có 20 phần, 1.000.000 đồng/phần. Tôi tham gia góp 02 phần, đã góp được 02 kỳ với số tiền thực đóng là 2.320.000 đồng. Naytôi yêu cầu bà A trả 2.320.000 đồng.

Ngoài ra, tôi có mua 01 phần hụi của dây hụi mở ngày 25/3/2019 (al) với số tiền 18.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2020, tôi ghi có tham gia góp 11 dây hụi với bà A và yêu cầu bà A trả số tiền hụi còn nợ tôi tổng cộng là 424.500.000 đồng là do chưa đối chiếu với bà A và tôi tính theo tiền hụi có lời nên số dây hụi và số tiền chưa chính xác.

Theo biên bản hòa giải ngày 15/01/2021, tôi và bà A đã đối chiếu lại số dây hụi, số tiền hụi tôi đã đóng. Tôi và bà A thống nhất, tôi có góp 12 dây hụi và mua 01 phần hụi. Bà A còn nợ tôi tổng cộng tiền hụi góp và hụi mua là 237.036.000 đồng. Tôi thì nợ bà A tiền hụi chết là 1.500.000đồng.

Nay tôi yêu cầu bà A trả cho tôi số tiền còn nợ là 237.036.000 đồng, một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai ngày 11/01/2021, biên bản hòa giải ngày 15/01/2021, bản tự khai và biên bản ghi lời khai bổ sung cùng ngày 31/5/2021, bị đơn bà Phạm Thị A trình bày không thống nhất như sau:

- *Tại bản tự khai ngày 11/01/2021*: Bà A cho rằng bà có làm đầu thảo hụi và Bà T có tham gia 06 dây hụi gồm: Dây hụi mở ngày 30/9/2018 (al), dây hụi 05/02/2018 (al), dây hụi ngày 25/3/2019 (al - hụi 500.000đ/phần), dây hụi ngày 10/11/2019 (al), dây hụi ngày 20/6/2019 (al) và dây hụi ngày 15/12/2018 (al). Bà A còn nợ Bà T tổng số tiền hụi là 137.000.000 đồng.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 15/01/2021:* Bà A và bà T đối chiếu lại số dây hụi và số tiền hụi Bà T đã đóng và thống nhất như sau: Bà T có tham gia góp tổng cộng 37 phần hụi trong 12 dây hụi và mua 01 phần hụi của dây hụi mở ngày 25/3/2019. Bà A xác định số tiền thực tế Bà T đã đóng (không có lời) là 237.036.000 đồng. Do vỡ hụi nên bà A xin trả lại cho Bà T số tiền Bà T đã đóng là 237.036.000 đồng nhưng trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- *Theo đơn yêu cầu phản tố*: Bà A yêu cầu Bà T trả tiền hụi chết còn nợ là 12.000.000đ. Tại buổi hòa giải ngày 15 tháng 01 năm 2021, bà A xác định Bà T còn thiếu tiền hụi chết là 1.500.000 đồng và yêu cầu trừ vào tiền bà A nợ Bà T.

- *Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai bổ sung cùng ngày 31/5/2021*: Bà A thay đổi ý kiến, cho rằng Bà T chỉ tham gia góp 11 dây hụi. Trong đó 10 dây hụi mở các ngày như sau: Ngày 05/02/2018 (al - hụi 1.000.000đ/phần), ngày 05/02/2018 (al - hụi 500.000đ/phần), ngày 15/12/2018 (al), ngày 05/02/2019 (al), ngày 10/11/2019 (al), ngày 15/12/2018 (al), ngày 20/6/2019 (al), ngày 25/3/2019 (al) ngày 30/01/2020 (al), ngày 30/9/2020 (al), ngày 05/4/2020 (al); Bà T đã hốt

hụi và bà A đã giao tiền cho Bà T xong nên Bà T ghi các tờ giấy có nội dung: Ngày mở hụi, số tiền/1 phần hụi, số phần hụi Bà T tham gia góp,… và dòng cuối là chữ "Rồi". Riêng dây hụi ngày 05/4/2020 (al) hụi 1.000.000đ/ phần, Bà T tham gia 03 phần. Bà T chưa hốt hụi và góp được 04 kỳ, nếu tính theo hụi có lời là 12.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 15/01/2021, bà A cho rằng do chưa tìm ra chứng cứ nên nhớ nhầm Bà T chưa hốt hụi nên xác định còn nợ Bà T tổng cộng số tiền 237.036.000 đồng là không đúng nên thay đổi lời khai. Bà A chỉ đồng ý trả cho Bà T 12.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung giải quyết: Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Xét thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ bà A cung cấp và cho là Bà T đã hốt hụi là không có cơ sở. Vì các tài liệu trên chỉ ghi thông tin các dây hụi, số tiền mỗi phần hụi, số phần hụi Bà T tham gia; không có nội dung thể hiện Bà T hốt hụi; không có nội dung bà A có giao tiền cho Bà T. Tại biên bản hòa giải ngày 15/01/2021, Bà T yêu cầu bà A trả số tiền 351.505.000 đồng là gồm có 03 dây hụi tính theo hụi có lời. 09 dây hụi còn lại tính theo số tiền thực tế đã đóng. Bà A thì xác định Bà T có tham gia góp 12 dây hụi. Các phần hụi Bà T chưa hốt thì thực tế đã đóng được 237.036.000 đồng. Bà A đồng ý trả lại tiền Bà T đã đóng là 237.036.000 đồng và xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa, Bà T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà A trả là 237.036.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật nên đình chỉ xét xử 01 phần yêu cầu khởi kiện của Bà T.

Về yêu cầu phản tố: Theo đơn phản tố, bà A yêu cầu Bà T trả số tiền hụi chết Bà T còn nợ là 12.000.000 đồng. Bà A vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 nên đề nghị đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp giữa bà Lê B T và bà Phạm Thị A là tranh chấp về "*Hợp đồng góp hụi*" theo khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn, bà Phạm Thị A vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vụ án vắng mặt bà A.

Theo đơn khởi kiện, Bà T yêu cầu bà A trả số tiền 424.500.000 đồng là do chưa đối chiếu nợ nên ghi chưa chính xác. Tại biên bản hòa giải ngày 15/01/2021, Bà T và bà A đối chiếu thống nhất các dây hụi, số tiền thực tế Bà T đã đóng cho bà A là 237.036.000 đồng và bà A đồng ý trả cho Bà T 237.036.000 đồng. Tại phiên tòa, Bà T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà A trả số tiền 237.036.000 đồng theo thừa nhận của bà A tại biên bản hòa giải ngày 15/01/2021. Đây là sự tự nguyện của Bà T, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Bà T.

Xét yêu cầu yêu cầu của Bà T, yêu cầu bà A trả 237.036.000 đồng: Tại biên bản hòa giải ngày 15/01/2021, Bà T và bà A thống nhất số dây hụi, số tiền thực tế Bà T đã đóng cho bà A là 237.036.000 đồng và bà A đồng ý trả cho Bà T 237.036.000 đồng nhưng đến ngày 31/5/2021, bà A thay đổi ý kiến cho rằng không mở 02 dây hụi ngày 20/5/2019 (al) và 20/02/2020 (al) nên Bà T không tham gia góp 02 dây hụi này. Bà A chỉ còn nợ Bà T 03 phần hụi của dây hụi mở ngày 05/4/2020 (al), là 12.000.000 đồng; các dây hụi còn lại, Bà T đã hốt hụi và bà A đã giao tiền cho Bà T xong nên Bà T ghi các tờ giấy có chữ "Rồi" ở dòng cuối trang giấy và đưa cho bà A giữ. Xét thấy, việc bà A thay đổi ý kiến và không thừa nhận còn nợ Bà T 237.036.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, các tờ giấy bà A cho là chứng cứ, chứng minh Bà T đã hốt hụi và bà A đã giao hụi, nhưng không có ghi nội dung ngày, tháng, năm Bà T hốt hụi; không ghi số tiền Bà T được hốt; không ghi số tiền bà A đã giao cho Bà T (bl: 54, 56-61, 63). Mặt khác, Bà T tham gia góp rất nhiều dây hụi trong thời gian dài, đã đóng cho bà A số tiền khá lớn. Nếu Bà T đã hốt hụi và bà A đã giao tiền cho Bà T thì bà A đã ghi chép cẩn thận và Bà T phải ký tên khi nhận tiền. Bà A không thể cho là nhớ nhầm và thừa nhận nợ tại biên bản hòa giải ngày 15/01/2021 (bl: 69-72).

Xét yêu cầu phản tố: Ngày 22/12/2020, Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố của bà A. Bà A yêu cầu Bà T trả số tiền hụi chết còn nợ là 12.000.000 đồng. Xét thấy: Bà A có yêu cầu phản tố nhưng cố tình không đến dự phiên tòa là từ bỏ yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của bà A. Bà A có quyền khởi kiện lại theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Xét về thời gian trả: Bà T yêu cầu bà A trả 237.036.000 đồng, làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Tại buổi hòa giải ngày 15/01/2021, bà A xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, mục đích của việc tổ chức góp hụi là tương trợ vốn làm ăn trong nhân dân. Bà A đã ngưng góp hụi. Bà T chỉ yêu cầu bà A trả lại số tiền thực tế đã đóng là đã thông cảm cho hoàn cảnh kinh tế của bà A. Nhưng

bà bà A xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng sẽ làm thiệt thòi đến quyền lợi của Bà T.

Từ các căn cứ như phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu của Bà T về việc yêu cầu bà A trả 237.036.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét ý kiến phân tích và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên được chấp nhận.

Về án phí: Bà A có nghĩa vụ nộp án phí trên số tiền phải trả cho Bà T theo quy định pháp luật. Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp đối với yêu cầu phàn tố.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 5 và khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 218, điểm c khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Đình một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê B T.
- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê B T.
- Buộc bà Phạm Thị A có nghĩa vụ trả cho bà Lê B T số tiền hụi còn nợ là 237.036.000 (*hai trăm ba mươi bảy triệu không trăm ba mươi sáu nghìn)* đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.
- Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị A về việc yêu cầu bà Lê B T trả số tiền 12.000.000 đồng. Bà Phạm Thị A có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.
- Về án phí:

+ Bà Phạm Thị A phải nộp 11.851.800 (*mười một triệu tám trăm năm mươi mốt nghìn tám trăm)* đồng, án phí dân sự sơ thẩm.

+ Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí bà Phạm Thị A đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0019206, ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Gò Công.

Đến hạn trả tiền, nếu bà Phạm Thị A không thực hiện việc trả tiền theo thời gian trên thì hàng tháng phải trả thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bà T có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bà A, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND TX. Gò Công;
- Chi cục Thi hành án DS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

NGUYỄN THỊ HOÀNG NHI